TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/DS-ST
Ngày: 13/4/2018

V/v tranh chấp: "Cầm cố tài sản, hợp đồng vay và góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu
- Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn T
  - Ông Trần Trung N
- Thư ký Tòa án - ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Luông

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cái Bè - tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 567/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp: "Cầm cố tài sản. hợp đồng vay và góp hụi".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: 1. Ung Văn S, sinh năm 1962

2. Nguyễn Thị A, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông S: Nguyễn Thị A, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 12 năm 2017).

***** Bị đơn: 1. Đoàn Thị M, sinh năm 1972

2. Nguyễn Chí M, sinh năm 1998

3. Nguyễn Thị C T, sinh năm 2003

Cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị A có mặt; chị M, M và T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Do là chổ quen biết nên chị cùng chồng là anh Ung Văn S có xác lập cầm cố đất, vay tài sản và tham gia góp hụi với vợ chồng chị Đoàn Thị M, anh Nguyễn Văn U như sau: Vào ngày 09/8/2015 chị với anh S có nhận cầm cố 2.000m^2 đất ruộng của vợ chồng chị M và anh U tọa lạc ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang với giá là 20 chỉ vàng 24k, thời hạn cầm cố là 02 năm (tính từ ngày 09/8/2015 đến ngày 09/8/2017), hai bên có lập giấy tờ để làm cơ sở. Về vay tài sản: Năm 2016 anh chị có cho chị M và anh U vay 06 chỉ vàng 24k, thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày vay, do quen biết tin tưởng nhau nên không có làm giấy tờ, đến nay chị M và anh U cũng chưa trả số vàng này. Ngoài ra, chị M và anh U có tham gia 4 dây hụi do vợ chồng chị tổ chức, đến nay hụi đã mãn, sau khi tổng kết lại thì chị M và anh U còn nợ lại vợ chồng chị số tiền 124.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị M và các con của anh U là M và C T (do anh U đã chết năm 2016) phải trả một lần 20 chỉ vàng 24k cầm cố đất, 06 chỉ vàng 24k vay và 124.000.000 đồng tiên hụi.

* Bị đơn chị Đoàn Thị M, Nguyễn Chí M và Nguyễn Thị C T không có mặt cũng như không có văn bản thể hiện ý chí đối với yêu cầu của chị A và anh S, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị A rút lại phần yêu cầu về số tiền hụi, không yêu cầu giải quyết, chị cũng rút lại yêu cầu M và C T phải trả số nợ cầm cố đất cho chị, chỉ yêu cầu đối với chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Giữa chị Nguyễn Thị A và anh Ung Văn S với vợ chồng chị Đoàn Thị M và anh Nguyễn Văn U có xác lập quan hệ về cầm cố tài sản là quyền sử dụng 2.000m^2 đất ruộng, vay số vàng 06 chỉ vàng 24k và quan hệ gióp hụi, theo chị A trình bày thời gian xác lập quan hệ giao dịch giữa các bên đến nay đã chấm dứt, số vàng cầm cố tài sản là 20 chỉ vàng 24k vợ chồng chị đã giao cho chị M và anh U nên nay yêu cầu đòi lại cùng số vàng cho vay là 06 chỉ vàng 24k và số nợ tiền hụi là 124.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị A rút lại phần yêu cầu về số tiền hụi, không yêu cầu giải quyết. Qua lời trình bày của chị A kèm theo chứng cứ chị cung cấp là tờ biên nhận có chữ ký của chị M về quan hệ cầm cố tài sản là chị M có nhận 20 chỉ vàng 24k, đồng thời chị M cũng có biết được yêu cầu khởi kiện đòi lại số vàng của chị A thể hiện qua các lần thông báo và tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ của Tòa án nhưng chị không có mặt cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu đòi vàng và tiền của chị A và anh S, cho thấy là không phản bác đối với yêu cầu này. Từ những cơ

sở trên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị A và anh S về quan hệ cầm cố tài sản; đối với quan hệ vay tài sản là 06 chỉ vàng 24k thì không có chứng cứ nào đề chứng minh nên không được xem xét. Đối với phần rút lại yêu cầu của chị A về số tiền hụi là tư nguyện và phù hợp nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Đối với các con của anh U là M và T phải cùng trả số nợ thì chị A cũng rút lại không yêu cầu nên được chấp nhận, chỉ xét nghĩa vụ của chị M trả cho chị A và anh S số vàng cầm cố là 20 chỉ vàng 24k.

Chị M và M, T được triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt. Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận là 20 chỉ vàng 24k, chị A và anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 06 chỉ vàng 24k, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đối với số tiền hụi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 228, 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 309, 471, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A và anh Ung Văn S đối với số vàng cầm cố tài sản. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A và anh Ung Văn S đối với số vàng vay.

Buộc chị Đoàn Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị A và anh Ung Văn S số vàng là 20 (hai mươi) chỉ vàng 24k.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Ung Văn S và chị Nguyễn Thị A yêu cầu chị Đoàn Thị M, Nguyễn Chí M và Nguyễn Thị C T phải trả số tiền hụi là 124.000.000 đồng.

Anh S và chị A có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại về quan hệ tiền hụi theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh S và chị A được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đối với quan hệ tranh chấp này.

3. Về án phí: - Chị M phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm,

- Chị A và anh S phải chịu 1.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị A và anh S đã nộp số tiền 3.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 08008 ngày 18/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 2.200.000 đồng

Chị A và anh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị M, M và T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG
- VKSND huyện Cái Bè
- Chi cục THA d/s huyện Cái Bè
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

Võ Ngọc Giàu